

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 308/2018/DS-PT
Ngày 08-11-2018
V/v Tranh chấp chia thừa kế
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tăng

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Phương

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Linh-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Trang-Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2018/TLPT-DS ngày 19 tháng 4 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2018/DS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 334A/2018/QĐ-PT ngày 15 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lâm Văn P, sinh năm: 1948;

Địa chỉ: Số x, tổ x, ấp Đ, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn:

1. Bà Lâm Thị E, sinh năm: 1952;

2. Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm: 1950;

Cùng địa chỉ: Tổ x, khóm x, phường x, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà E, ông C1: Anh Lê Minh T1, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Số x, đường N, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 11/5/2018).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lâm Thị E1, sinh năm: 1949;

Địa chỉ: Số x, tổ x, ấp Đ, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà E1: Chị Lê Ngọc H, sinh năm: 1985; Địa chỉ: x, đường số x, KDC xx, phường P1, quận C2, thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 30/7/2018).

2. Anh Lâm Trung T2, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: Tổ x, khóm x, phường x, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn T3-Chủ tịch.

Địa chỉ: Số x, đường x, Phường x, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Chị Lưu Thị Trà M, sinh năm: 1983;

5. Lâm Kỳ A1, sinh năm: 2014;

6. Lâm Kỳ N1, sinh năm: 2012;

Người đại diện hợp pháp của Lâm Kỳ A1 và Lâm Kỳ N1: Anh Lâm Trung T2 là người đại diện theo pháp luật (cha ruột).

Cùng địa chỉ: Tổ x, khóm x, phường x, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

7. Anh Võ M1, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Số x, ấp G, xã B1, huyện T4, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn C1, bà Lâm Thị E là bị đơn, bà Lâm Thị E1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Ông P, anh T1, chị H, anh T2 có mặt tại phiên tòa. Ủy ban nhân dân thành phố C và anh M1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Lâm Văn P trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cụ ông Lâm Văn C3 (chết 12/2006) và cụ Võ Thị H1 (chết 11/2004) là cha, mẹ của nguyên, bị đơn diện tích khoảng 9.500m², trên đất có 11 ngôi mộ.

- Năm 1978 Nhà nước vận động gia đình hiến 1 phần xây dựng trường học, cũng trong thời gian này bà E xin cụ C3 cất 1 quán bán nước giải khát. Đến năm 1991 thì bà E xin cụ C3 cất nhà, khi Trường Cao đẳng sư phạm mở rộng có thu hồi một phần đất của cụ C3 (vì đất nằm trong quy hoạch nên chưa được cấp giấy CNQSD đất).

- Hiện nay phần đất chỉ còn lại diện tích 4.376m².

- Năm 2009 ông P có cất nhà cho con tên Lâm Trung T2 5m x 15m được sự đồng ý của bà E.

- Năm 2011 UBND phường cho phép đăng ký và mời ông P đến xác định ranh. Qua bàn bạc trong gia đình thì bà Lâm Thị E1 không đồng ý nhận phần đất này, mà thống nhất giao cho ông P và bà E quản lý. Do ông P là con trai thống nhất giao cho ông P phần đất khu mộ và 1 nền nhà mà ông P cho anh T2 đã sử dụng trước đây, phần còn lại giao cho bà E.

- Năm 2013 ông P và bà E tiến hành thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến năm 2014 thì ông P nhận giấy CNQSD đất. Khi nhận giấy thì ông P phát hiện ông P chỉ được cấp 1.086,5m² thửa 713 không đúng thỏa thuận, còn bà E được cấp 3.290m².

Nay ông P yêu cầu bà E giao thêm 606,7m² phần đất khu mộ và 73,1m² đất nền nhà và yêu cầu hủy 1 phần giấy CNQSD đất cấp cho bà E.

Bà Lâm Thị E và ông Nguyễn Văn C1 trình bày:

Thống nhất về nguồn gốc đất như ông P trình bày, năm 2011 ông P kê khai phần đất tranh chấp UBND phường không đồng ý cho ông P đăng ký, vì phần đất tranh chấp do bà E1 và ông C1 đang quản lý sử dụng.

Do không muốn mất tình cảm của chị, em nên bà E, ông P và bà E1 thống nhất thỏa thuận. Phần bà E1 nhường quyền thừa kế của mình để lại cho bà E và ông P. Đến năm 2016 bà E và ông P thống nhất về việc chia đất và xác định ranh. Sau đó Cán bộ phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND phường x tiến hành đo đạc có sự chứng kiến của ông P. Đến ngày 30/9/2013 bà E và ông C1 được cấp giấy CNQSD đất diện tích 3.090m² và ông P được cấp giấy CNQSD ngày 25/12/2015 diện tích 1.086,5m².

Bà Lâm Thị E và ông Nguyễn Văn C1 không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của ông Lâm Văn P.

Bà Lâm Thị E yêu cầu hộ anh Lâm Trung T2 di dời nhà trả lại cho bà diện tích đất đang ở là 34.4 m².

- Anh Lâm Trung T2 và chị Lưu Thị Trà M trình bày:

Vợ chồng anh chị về cất nhà trên phần đất tranh chấp vào năm 2009. Lúc về cất nhà thì phía gia đình bà E kêu anh về cất nhà ở để buôn bán. Hiện tại nhà anh cất theo kiểu cấp 04, cất tạm không có bản vẽ hay giấy phép xây dựng. Đối với việc hai bên tranh chấp thì anh thống nhất theo ý kiến của ông Lâm Văn P là cha của anh. Đối với yêu cầu của bà Lâm Thị E thì anh không đồng ý.

- Anh Võ M1 Trình bày:

Anh M1 đang thuê nhà của bà Lâm Thị E từ tháng 4 năm 2016, với hình thức thuê nhà trả tiền theo tháng thông qua hợp đồng thuê nhà giữa bà E và anh M1. Hiện nay anh M1 đang sống một mình trong căn nhà đang thuê này. Đối với các vấn đề tranh chấp của các bên thì anh M1 không biết, không có ý kiến hoặc yêu cầu gì trong vụ án này. Trường hợp diện tích đất có căn nhà mà anh đang thuê được xử cho ai thì anh cũng không có ý kiến, nếu chủ sử dụng đất cho anh tiếp tục thuê để ở trọ thì anh tiếp tục thuê nhà, còn không đồng ý tiếp tục cho thuê thì anh M1 sẽ tự chuyển đi, không tranh chấp với chủ sử dụng.

Tại Quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2018/DS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C đã xử:

- Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông Lâm Văn P. Ông P được chia thừa kế tài sản của ông Lâm Văn C3 và bà Võ Thị H1 như sau:

+ Phần đất cây lâu năm từ các mốc M5-M10-M5 diện tích 606,7m² thuộc thửa 69 tờ bản đồ số 5.

+ Phần đất nền nhà từ các mốc M1A-M1B-H-K-M1-M1A diện tích 73,1m² thuộc thửa 69 tờ bản đồ số 5.

Bà Lâm Thị E và ông Nguyễn Văn C1 có nghĩa vụ giao cho ông Lâm Văn P được sở hữu số cây cối và tài sản có trên đất được hưởng như sau: Chuối 09 bụi; Mãng cầu xiêm 01 cây; Trứng cá 01 cây; 04 cây Xoài 06 năm tuổi đang cho trái; 01 căn nhà của bà Lâm Thị E cất trên đất cho anh Võ M1 thuê có kết cấu: nền cuốn bản đồ, lát gạch tàu, vách tole sóng tròn, lợp tole sóng vuông, khung gỗ tạp, diện tích 31,5m² (7m x 4,5m).

Ông Lâm Văn P đồng ý bồi thường giá trị tổng cộng giá trị cho bà Lâm Thị E và ông Nguyễn Văn C1 số tiền 33.750.000 đồng (Ba mươi ba triệu bảy trăm năm chục ngàn đồng).

Giao các ngôi mộ tộc họ của ông P và bà E có trên phần đất cho ông P có trách nhiệm quản lý, tu bổ và không được sang bán phần đất này.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định ngày 19-5-2016 và ngày 17-3-2017; Biên bản định giá ngày 07-7-2016; Sơ đồ đo đạc ngày 10-10-2017).

* Về lãi suất chậm trả: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi cho số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Lâm Thị E và ông Nguyễn Văn C1 diện tích 679,8m² tại thửa 69 tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại phường x, thành phố C để cấp lại cho ông Lâm Văn P.

- Bác yêu cầu của bà Lâm Thị E về việc yêu cầu hộ anh Lâm Trung T2 di dời nhà trả diện tích 34,4m².

* Về chi phí giám định, xem xét thẩm định và định giá tài sản:

+ Về chi phí giám định 3.440.000 đồng do kết quả giám định phù hợp với trình bày của ông Lâm Văn P nên bà Lâm Thị E và ông Nguyễn Văn C1 phải chịu. Ông P đã tạm ứng xong nên ông C1 và bà E có nghĩa vụ nộp số tiền 3.440.000 đồng để trả lại cho ông P.

+ Chi phí thẩm định và định giá tổng cộng là 7.979.000 đồng. Do yêu cầu chia thừa kế được chấp nhận nên mỗi bên chịu ½ chi phí này là 3.989.000 đồng. Số

tiền này ông P đã tạm ứng và chi xong. Ông Nguyễn Văn C1 và bà Lâm Thị E đã đóng 200.000 đồng còn lại 3.789.000 đồng do ông Lâm Văn P tạm ứng nên ông C1 và bà E phải nộp 3.789.000 đồng để trả lại cho ông Lâm Văn P.

* Về án phí:

+ Ông Lâm Văn P phải chịu 6.356.000 đồng án phí chia thừa kế và 1.687.500 đồng án phí bồi thường tài sản. Ông P đã nộp 1.488.000 đồng theo biên lai số xxx ngày 10-3-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Ông Lâm Văn P phải nộp tiếp 6.555.500 đồng tiền án phí dân sự.

+ Bà Lâm Thị E và ông Nguyễn Văn C1 phải chịu 321.600 đồng tiền án phí dân sự khấu trừ số tiền 100.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai số xxxx ngày 27-9-2016, ông C1 và bà E phải nộp tiếp 221.600 đồng tiền án phí dân sự.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/3/2018 bà E, ông C1, bà E1 có đơn kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 21/3/2018 Viện kiểm sát thành phố C có quyết định kháng nghị đề nghị sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, chấp nhận yêu cầu của bà E và ông C1, buộc hộ anh T2 di dời trả lại đất. Bà E và ông C1 đồng ý hỗ trợ 5.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo anh Lê Minh T1 người đại diện theo ủy quyền của bà E cho rằng tranh chấp giữa ông P và bà E chưa được hòa giải cơ sở. Ông C1 vừa ủy quyền cho bà E và vừa ủy quyền cho anh Nguyễn Trung C3 tham gia tố tụng, nhưng án sơ thẩm không đưa bà E tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền là vi phạm thủ tục tố tụng và yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp chia thừa kế, nên tranh chấp giữa ông P và bà E không cần thiết phải tiến hành thủ tục hòa giải ở cơ sở là đúng với quy định tại quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 8 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối Cao. Đối với việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà E tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của ông C1 là do có sự thay đổi người đại diện theo ủy quyền của ông C1 là anh Nguyễn Trung C3, nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong vụ án, nên không cần thiết hủy án sơ thẩm.

[2] Về nội dung: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cụ Lâm Văn C3 chết 2006 và cụ Võ Thị H1 chết năm 2004. Vào khoảng năm 1978 cụ C3 hiến một phần đất cho Nhà nước để xây dựng Trường học cấp 2 và một số hộ dân lân

chiếm, diện tích còn lại $4.376,5\text{m}^2$ (thực tế 4.395m^2), cụ C3 và cụ H1 khi còn sống chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo ông P và bà E khai vào khoảng năm 1978, bà E được cụ C3 cho cất tạm quán trên phần đất của cụ C3 để bán nước giải khát cạnh trường học, năm 1991 bà E và ông C1 xây dựng nhà kiên cố. Sau khi cụ C3 và cụ H1 chết thì bà E và ông C1 quản lý toàn bộ diện tích 4.395m^2 . Năm 2009 ông P xây dựng nhà cho con là anh Lâm Trung T2 trên phần đất của cụ C3, khi xây dựng được sự thống nhất của bà E. Bà E không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của ông P.

[3] Xét thấy, mặc dù ngày 20/10/2010 bà Lâm Thị E và ông P có đơn xin xác nhận có nội dung: Phần đất tại phường x, thành phố C đã được cụ Lâm Văn C3 là cha của ông P, bà E1, bà E cho bà E, đơn xin xác nhận có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã T, thành phố C, nhưng chưa được thực hiện bởi vì: Theo bà E năm 2011 khi Ủy ban nhân dân cho phép đăng ký quyền sử dụng thì bà E1, ông P và bà E bàn bạc thống nhất bà E1 nhường phần của mình, để chia cho hai em là bà Lâm Thị E và ông Lâm Văn P. Theo ông P khi thỏa thuận chia phần đất tại phường x thì chia 02 cho ông P và bà E, nhưng khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì diện tích đất ông P được cấp không đúng theo thỏa thuận. Ông P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích $1.086,5\text{m}^2$ thửa 713, còn bà E được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.290m^2 , thửa 69 và thửa 706, nên xảy ra tranh chấp.

[4] Về phía bà E và ông C1 không có chứng cứ chứng minh phần đất tranh chấp đã được cụ C3 và cụ H1 cho bà E và ông C1, nên diện tích đất 4.395m^2 được xác định là di sản của cụ C3 và cụ H1.

[5] Cụ C3 và cụ H1 chung sống với nhau có 03 người con là bà Lâm Thị E1, bà Lâm Thị E và ông Lâm Văn P. Cụ C3 và cụ H1 chết không để lại di chúc nên phần di sản của cụ C3 và cụ H1 được chia thừa kế theo pháp luật cho các người con mỗi người được 01 suất thừa kế bằng nhau.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm ông P yêu cầu được hưởng 01 suất thừa kế có diện tích 1.465m^2 tại vị trí ông P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất khu mộ và 01 nền nhà tại căn nhà của anh T2 và căn nhà của anh Võ M1 thuê có diện tích $73,1\text{m}^2$, ông P thống nhất trừ diện tích $73,1\text{m}^2$ vào suất thừa kế của ông P. Bà E và bà E1 thống nhất giao cho ông P được hưởng 01 suất thừa kế có diện tích 1.465m^2 , đối với suất thừa kế của bà E1, bà E1 nhường quyền thừa kế lại cho bà E, nên bà E được hưởng 02 suất thừa kế có diện tích 2.930m^2 , nhưng bà E yêu cầu anh T2 di dời căn nhà giao trả phần đất lại cho bà E sử dụng, không đồng ý giao phần đất và căn nhà của anh Võ M1 thuê cho ông P được thừa kế.

[7] Xét thấy, ông P, bà E1 và bà E yêu cầu mỗi người được hưởng 01 suất thừa kế có diện tích 1.465m^2 , bà E1 nhường quyền thừa kế của mình cho bà E, nên bà E được hưởng 02 suất thừa kế có diện tích 2.930m^2 . Đây là sự tự nguyện của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về phần đất ông P yêu cầu được hưởng thừa kế, theo sơ đồ ngày 14/9/2018, thì phần đất tại căn nhà của anh T2 có diện tích $39,3\text{m}^2$ và anh Võ M1 có diện tích $33,8\text{m}^2$ (tổng diện tích $73,1\text{m}^2$) và toàn bộ phần đất tranh chấp chiều ngang mặt trước giáp đường Phạm Hữu Lầu là $25,83\text{m}$, nên mỗi suất thừa kế được hưởng chiều ngang là $8,61\text{m}$ ($25,83\text{m} : 3 = 8,61\text{m}$), nhưng phần đất ông P được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có chiều ngang mặt trước $5,95\text{m}$ và phần đất tại căn nhà của anh T2 chiều ngang mặt trước $3,93\text{m}$, tổng cộng chiều ngang mặt trước $9,88\text{m}$, nếu giao phần đất tại căn nhà của anh T2 cho ông P được hưởng thừa kế thì chiều ngang mặt trước phần đất của ông P được hưởng thừa kế thừa $1,27\text{m}$ so với một suất thừa kế ($9,88\text{m} - 8,61\text{m} = 1,27\text{m}$). Tuy nhiên, về phía anh T2 khi xây dựng nhà năm 2009 trên phần đất tranh chấp có sự đồng ý của bà E. Phần đất còn lại bà E được hưởng thừa kế có chiều ngang mặt trước là $15,95\text{m}$, thiếu $1,27\text{m}$ so với 02 suất thừa kế mà bà E được hưởng, nhưng phần đất bà E được hưởng thừa kế có một đoạn chiều dài là $30,5\text{m}$ tiếp giáp với đường nhựa (hẻm công cộng). Vì thế, Hội đồng xét xử thống nhất chia cho ông P được thừa kế phần đất có diện tích $39,3\text{m}^2$ tại căn nhà của anh T2. Diện tích phần đất $39,3\text{m}^2$ sẽ được trừ vào suất thừa kế của ông P.

Đối với căn nhà của anh Võ M1 đang quản lý, sử dụng là do bà E xây dựng cho anh Võ M1 thuê, ông P yêu cầu được thừa kế phần đất tại căn nhà của anh Võ M1 có diện tích $33,8\text{m}^2$. Bà E không đồng ý. Án sơ thẩm xử buộc bà E và ông C1 giao cho ông P được quyền sở hữu căn nhà và được quyền sử dụng phần đất tại căn nhà của anh Võ M1 là chưa phù hợp, nên Hội đồng xét xử không chấp yêu cầu của ông P yêu cầu được thừa kế diện tích đất $33,8\text{m}^2$ tại căn nhà của anh Võ M1.

Về diện tích đất P được hưởng thừa kế 1.465m^2 , bà E được hưởng thừa kế diện tích 2.930m^2 , theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông P được cấp thuộc thửa 713 có chiều ngang mặt sau là 18m , ông P yêu cầu được hưởng phần đất tại khu mộ. Bà E được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thuộc thửa 706 và thửa 69, phần đất khu mộ có một phần thuộc thửa 69. Tuy nhiên, bà E thống nhất chia cho ông P phần đất khu mộ. Vì vậy, ông P có trách nhiệm giao lại cho bà E một phần thửa 713, để bà E đủ diện tích đất được hưởng thừa kế là 2.930m^2 và bà E có trách nhiệm giao lại cho ông P một phần thửa 69, để ông P đủ diện tích đất được hưởng thừa kế là 1.465m^2 .

Với các cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà E1, bà E và ông C1 yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

[9] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh rút toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C.

[10] Đối với căn nhà của bà E xây dựng trên phần đất ông P được hưởng thừa kế, ông P tiếp tục cho bà E ở nhờ, không có tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà E và

ông C1 cho rằng căn nhà bà E cho anh Võ M1 thuê là có công sức đóng góp của các con của bà E, ông C1, nhưng án sơ thẩm không đưa những người con của bà E tham gia tố tụng mà buộc bà E và ông C1 giao căn nhà của bà E cho anh Võ M1 thuê là thiếu tư cách đương sự. Xét thấy, cũng như phần nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông P yêu cầu được thừa kế phần đất tại căn nhà của anh Võ M1 thuê, mà quyền sở hữu nhà vẫn thuộc của bà E và ông C1, nên không cần thiết phải đưa các con bà E và ông C1 tham gia tố tụng.

[12] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề **xuất hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo của bà E, ông C1 và bà E1, Viện kiểm sát rút toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C.** Xét thấy, cũng như phần nhận định trên đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà E1, bà E, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát thành phố C, sửa bản án sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do sửa bản án sơ thẩm nên bà E1, bà E không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, Điều 148; Khoản 2, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 674, 675, 676 Bộ luật Dân sự 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lâm Thị E1, bà Lâm Thị E và ông Nguyễn Văn C1.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C.

Sửa Bản án bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2018/DS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C.

- Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông Lâm Văn P. Ông P được chia thừa kế tài sản của ông Lâm Văn C3 và bà Võ Thị H1 như sau:

+ Phần đất trồng cây lâu năm từ các mốc M2-M3-M4-M6-M11-M10-M5-M2 diện tích 1.425,7m² thuộc thửa 713 và một phần thửa 69, tờ bản đồ số 5.

+ Phần đất tại căn nhà của anh Lâm Trung T2 có diện tích 39,3m² thuộc

thửa 69, tờ bản đồ số 5, đất trồng cây lâu năm thể hiện từ các mốc M1-M1A-L-K-M1.

- Buộc bà E và ông C1 có trách nhiệm chia thừa kế cho ông P, thuộc một phần thửa 69, tờ bản đồ số 5, đất trồng cây lâu năm, để ông P đủ diện tích đất được hưởng thừa kế là 1.465m². Diện tích đất 1.465m² được thể hiện từ các mốc M2-M3-M4-M6-M11-M10-M5-M2 và từ các mốc M1-M1A-L-K-M1.

- Buộc ông P có trách nhiệm chia thừa kế cho bà E, thuộc một phần thửa 713, tờ bản đồ số 5, đất trồng cây lâu năm, để bà E đủ diện tích đất được hưởng thừa kế là 2.930m². Diện tích đất 2.930m² được thể hiện từ các mốc M2-M5-M10-M11-M8-M9-A-B-C-D-D-E-F-G-H-K-L-M1A.

- Ông Lâm Văn P được sở hữu các cây trồng trên diện tích đất 1.425,7m² gồm: 09 bụi chuối; 01 cây măng cầu xiêm; 04 cây xoài 06 năm tuổi đang cho trái.

- Ông Lâm Văn P bồi thường giá trị cây trồng cho bà Lâm Thị E và ông Nguyễn Văn C1, tổng cộng số tiền 4.350.000 đồng.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố C, thu hồi một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 713, tờ bản đồ số 05 của ông Lâm Văn P được cấp ngày 23/12/2013, để cấp lại cho bà Lâm Thị E và thu hồi một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 69, tờ bản đồ số 5, của bà Lâm Thị E và ông Nguyễn Văn C1 được cấp ngày 30/9/2013, để cấp lại cho ông Lâm Văn P, đất tọa lạc tại phường x, thành phố C.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Lâm Thị E về việc yêu cầu hộ anh Lâm Trung T2 di dời nhà trả diện tích 39,3m².

Phần đất và các cây trồng thể hiện theo biên bản xem xét thẩm định ngày 19/5/2016 và sơ đồ trích đo ngày 14/9/2018 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền chưa thi hành, tại thời điểm thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

- Về chi phí giám định, xem xét thẩm định và định giá tài sản:

- + Về chi phí giám định 3.440.000 đồng do kết quả giám định phù hợp với trình bày của ông Lâm Văn P, nên bà Lâm Thị E và Nguyễn Văn C1 phải chịu. Ông P đã tạm ứng xong nên ông C1 và bà E có nghĩa vụ nộp số tiền 3.440.000 đồng để trả lại cho ông P.

- + Chi phí thẩm định và định giá tổng cộng là 7.979.000 đồng. Do ông P được hưởng 1/3 di sản thừa kế, bà E được hưởng 2/3 di sản thừa kế, nên ông P phải chịu 1/3 chi phí thẩm định, định giá là 2.660.000 đồng, bà E phải chịu 5.319.000 đồng. Ông P đã tạm ứng 7.779.000 đồng, bà E nộp tạm ứng 200.000 đồng và chi xong, nên bà Lâm Thị E có trách nhiệm nộp 5.119.000 đồng để hoàn trả cho ông P.

*** Về án phí:**

+ Ông Lâm Văn P phải chịu 3.539.000 đồng tiền án phí chia thừa kế và 217.500 đồng tiền án phí bồi thường tài sản, tổng cộng 3.756.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.488.000 đồng theo biên lai số xxxx ngày 10-3-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Ông Lâm Văn P phải nộp tiếp 2.268.500 đồng tiền án phí dân sự.

+ Bà Lâm Thị E và ông Nguyễn Văn C1 phải chịu 367.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 100.000 đồng theo biên lai số xxxx ngày 27-9-2016. Ông C1 và bà E phải nộp tiếp 267.000 đồng tiền án phí dân sự.

+ Bà Lâm Thị E1, bà Lâm Thị E và ông Nguyễn Văn C1 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Bà E1, bà E và ông C1 mỗi người được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai xxxx; xxxx; xxxx cùng ngày 22/3/2018 (do Nguyễn Trung C3 nộp thay), tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi Nhận:

- VKSND Tỉnh;
- TAND TP.C;
- CCTHADS TP.C;
- Phòng KTNV- THA TA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (T).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Tấn Tạng